

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 06 – 4 – 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Nguyễn Xuân Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thái P – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Ngọc Hiển (Văn bản uỷ quyền ngày 14/11/2019) (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 8, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: 1/ Ông Trần Văn N2, sinh năm 1960 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

3/ Anh Trần Văn L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 8, thị t, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28/11/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C, anh Trần Văn L với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Ngọc Hiền (gọi tắt là Ngân hàng); theo đó ông N1, bà C và anh L đã vay vốn tại Ngân hàng gồm món vay như sau:

- Số khế ước tiền vay 6600000600009921 với số tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi còn phải trả kể từ ngày vay đến ngày 28/11/2022 là 13.456.000 đồng; ngày vay 30/12/2011, hạn trả 01/3/2016; lãi suất cho vay 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

- Về tình hình trả nợ, trả lãi tiền vay: Trả tiền gốc bằng 0 đồng, có trả tiền lãi 38.337 đồng.

Tình trạng món vay đã quá hạn trả nợ gốc theo phân kỳ, nợ lãi nhưng đến nay ông N1, bà C và anh L chưa thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để trả dứt điểm nợ lãi cho Ngân hàng như hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay yêu cầu ông N1, bà C và anh L có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 28.456.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 15.000.000 đồng và lãi 13.456.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày khởi kiện đến thời điểm tất toán món nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông N1, bà C và anh L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu ông N1, bà C và anh L thanh toán số tiền 28.456.000 đồng, trong đó nợ gốc là 15.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13.456.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày xét xử đến thời điểm tất toán món nợ.

- Ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L vắng mặt không lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định. Do ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông N1, bà C và anh L thanh toán số tiền 28.456.000 đồng, trong đó nợ gốc là

15.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13.456.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày xét xử đến thời điểm tất toán món nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L về tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L cư trú tại Khóm 8, thị trấn, huyện N, tỉnh C. nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N1, bà C và anh L theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Việc ông N1 và anh L xác lập hợp đồng vay nợ tại Ngân hàng là thực tế có xảy ra, khi vay đôi bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán và có lãi, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vay vốn thể hiện ông N1 và anh L vay vốn trực tiếp tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thuộc Phòng giao dịch huyện Ngọc Hiển với số tiền gốc 15.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,65%/tháng, lãi quá hạn 130% lãi suất trong hạn, thời hạn vay của kế ước là 5 năm. Phía ông N1 và anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi là vi phạm thời hạn thanh toán nợ theo hợp đồng xác lập làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Từ khi xác lập hợp đồng vay ngày 30/12/2011 đến thời điểm Ngân hàng làm đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 thì khoản nợ vay của ông N1 và anh L đã quá hạn. Hội đồng xét xử, thấy rằng mặc dù hợp đồng vay bà C không ký tên nhưng ông N1 vay với tư cách đại diện hộ gia đình và khoản nợ vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N1 và bà C nên bà C phải cùng có trách nhiệm thanh toán. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông N1, bà C và anh L cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích cho Ngân hàng; ông N1, bà C và anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Sau khi đối chiếu khoản nợ gốc vay chưa thanh toán và mức lãi thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng thấy rằng số tiền lãi phát sinh

trên khoản nợ gốc của ông N1, bà C và anh L vay tính đến xét xử sơ thẩm được tính 28.456.000 đồng là phù hợp theo mức lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật được chấp nhận. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông N1, bà C và anh L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.456.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đến khi ông N1, bà C và anh L thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông N1, bà C và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $28.456.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.423.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số). Ngân hàng thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Buộc ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền 28.456.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đến khi Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn N2, bà Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.423.000 (làm tròn số).

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như